

**BỘ CÂU HỎI CUỘC THI TÌM HIỂU
QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG NỮ KHI THAM GIA BHXH**

Câu 1. Theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội 2014, người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc được hưởng những chế độ nào?

- A. Ốm đau, thai sản, tử tuất, tai nạn lao động
- B. Ốm đau, thai sản, hưu trí, tử tuất
- C. Ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hưu trí, tử tuất
- D. Ốm đau, thai sản, hưu trí, tử tuất, tai nạn lao động.

Câu 2. Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, mức hưởng chế độ ốm đau bình thường của người lao động?

- A. 85% mức tiền lương đóng BHXH của tháng liền kề trước khi nghỉ việc
- B. 75% mức tiền lương đóng BHXH của tháng liền kề trước khi nghỉ việc
- C. 65% mức tiền lương đóng BHXH của tháng liền kề trước khi nghỉ việc
- D. 55% mức tiền lương đóng BHXH của tháng liền kề trước khi nghỉ việc.

Câu 3. Người lao động phải nộp hồ sơ để giải quyết hưởng chế độ ốm đau cho người sử dụng lao động trong thời hạn bao nhiêu ngày?

- A. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày trở lại làm việc.
- B. Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày trở lại làm việc.
- C. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày trở lại làm việc.
- D. Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày trở lại làm việc.

Câu 4. Trường hợp nào người lao động tham gia BHXH bắt buộc không được hưởng chế độ ốm đau?

- A. Bị ốm đau, tai nạn phải nghỉ việc do tự hủy hoại sức khỏe, do say rượu hoặc sử dụng chất ma túy, tiền chất ma túy theo danh mục do Chính phủ quy định.
- B. Người lao động nghỉ việc điều trị lần đầu do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- C. Người lao động bị ốm đau, tai nạn mà không phải là tai nạn lao động trong thời gian đang nghỉ phép hằng năm, nghỉ việc riêng, nghỉ không hưởng lương theo quy định của pháp luật lao động; nghỉ việc hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.
- D. Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu 5. Lao động nữ được hưởng chế độ thai sản trong trường hợp nào sau đây?

- A. Mang thai, sinh con, nhận nuôi con nuôi dưới 06 tháng tuổi.
- B. Mang thai hộ và người mẹ nhờ mang thai hộ.
- C. Đặt vòng tránh thai, thực hiện biện pháp triệt sản.
- D. Cả 3 trường hợp trên.

Câu 6. Trong thời gian mang thai (thai bình thường), lao động nữ được nghỉ việc để đi khám thai bao nhiêu lần?

- A. 02 lần, mỗi lần 01 ngày.
- B. 03 lần, mỗi lần 01 ngày.
- C. 04 lần, mỗi lần 01 ngày.
- D. 05 lần, mỗi lần 01 ngày.

Câu 7. Lao động nữ hưởng chế độ thai sản khi bị sẩy thai, nạo, hút thai, thai chết lưu hoặc phá thai bệnh lý tối đa bao nhiêu ngày?

- A. 10 ngày nếu thai dưới 05 tuần tuổi;
- B. 20 ngày nếu thai từ 05 tuần tuổi đến dưới 13 tuần tuổi;
- C. 40 ngày nếu thai từ 13 tuần tuổi đến dưới 25 tuần tuổi;
- D. 50 ngày nếu thai từ 25 tuần tuổi trở lên.
- E. Tất cả các câu trên đều đúng.

Câu 8. Mức hưởng chế độ thai sản đối với lao động nữ sinh con được quy định như thế nào?

- A. Mức hưởng một tháng bằng 100% mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH của 06 tháng trước khi nghỉ việc hưởng chế độ thai sản.
- B. Mức hưởng một tháng bằng 75% mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH của 06 tháng trước khi nghỉ việc hưởng chế độ thai sản.
- C. Mức hưởng một tháng bằng 60% mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH của 06 tháng trước khi nghỉ việc hưởng chế độ thai sản.
- D. Mức hưởng một tháng bằng 50% mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH của 06 tháng trước khi nghỉ việc hưởng chế độ thai sản.

Câu 9. Điều kiện về thời gian đóng BHXH để được hưởng chế độ thai sản đối với lao động nữ sinh con được quy định như thế nào?

- A. Đóng BHXH liên tục 6 tháng trước khi sinh con.
- B. Đóng BHXH đủ 12 tháng.
- C. Đóng BHXH từ đủ 06 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng trước khi sinh con.
- D. Đóng BHXH đủ 12 tháng trở lên trong thời gian 24 tháng trước khi sinh con.

Câu 10. Người lao động bị tai nạn (suy giảm khả năng lao động 5% trở lên) được hưởng chế độ tai nạn lao động trong các trường hợp nào sau đây?

- A. Tại nơi làm việc và trong giờ làm việc.
- B. Ngoài nơi làm việc hoặc ngoài giờ làm việc khi thực hiện công việc theo yêu cầu của người sử dụng lao động.
- C. Trên tuyến đường đi và về từ nơi ở đến nơi làm việc trong khoảng thời gian và tuyến đường hợp lý.
- D. Cả 3 trường hợp trên.

Câu 11. Người lao động được hưởng chế độ bệnh nghề nghiệp khi có đủ các điều kiện nào sau đây ?

- A. Bị bệnh thuộc danh mục bệnh nghề nghiệp do Bộ Y tế và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành khi làm việc trong môi trường hoặc nghề có yếu tố độc hại;
- B. Suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên do bị bệnh thuộc danh mục bệnh nghề nghiệp do Bộ Y tế và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành khi làm việc trong môi trường hoặc nghề có yếu tố độc hại;
- C. Cả 2 trường hợp trên đúng.
- D. Cả 2 trường hợp trên sai.

Câu 12. Người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 30% thì được hưởng trợ cấp một lần. Mức trợ cấp TNLĐ một lần được quy định như thế nào?

- A. Suy giảm 5% khả năng lao động thì được hưởng 05 lần mức lương cơ sở, sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 0,5 lần mức lương cơ sở;
- B. Được hưởng thêm khoản trợ cấp tính theo số năm đã đóng bảo hiểm xã hội, từ một năm trở xuống thì được tính bằng 0,5 tháng, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội được tính thêm 0,3 tháng tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước khi nghỉ việc để điều trị.
- C. Cả 2 trường hợp trên đúng.
- D. Cả 2 trường hợp trên sai.

Câu 13. Người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên thì được hưởng trợ cấp hằng tháng. Mức trợ cấp hằng tháng được quy định như thế nào?

- A. Suy giảm 31% khả năng lao động thì được hưởng bằng 30% mức lương cơ sở, sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 2% mức lương cơ sở;
- B. Được hưởng thêm một khoản trợ cấp tính theo số năm đã đóng bảo hiểm xã hội, từ một năm trở xuống được tính bằng 0,5%, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội được tính thêm 0,3% mức tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước khi nghỉ việc để điều trị.

C. Cả 2 trường hợp trên đúng.

D. Cả 2 trường hợp trên sai.

Câu 14. Sau khi hết thời gian nghỉ hưởng chế độ ốm đau thông thường trong năm theo quy định, người lao động được nghỉ dưỡng sức phục hồi sức khỏe tối đa bao nhiêu ngày?

A. 05 ngày.

B. 07 ngày.

C. 10 ngày.

D. 14 ngày.

Câu 15. Mức hưởng dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau khi ốm đau của người lao động một ngày là bao nhiêu?

A. 10% mức lương cơ sở.

B. 20% mức lương cơ sở.

C. 30% mức lương cơ sở.

D. 40% mức lương cơ sở.

Câu 16. Người lao động có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên, trong năm 2024 được hưởng lương hưu theo lộ trình điều chỉnh tuổi hưu quy định của Nghị định số 135/2020/NĐ-CP khi :

A. Nam đủ 55 tuổi, nữ đủ 50 tuổi;

B. Nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi.

C. Nam đủ 61 tuổi, nữ đủ 56 tuổi 04 tháng.

D. Nam đủ 60 tuổi 03 tháng, nữ đủ 56 tuổi 08 tháng.

Câu 17. Tỷ lệ hưởng lương hưu hàng tháng đối với nữ thấp nhất bằng bao nhiêu?

A. 45 % mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội;

B. 55 % mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội;

C. 60 % mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội.

D. 75 % mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội.

Câu 18. Bạn đã nhấn quan tâm theo dõi Cổng thông tin điện tử BHXH tỉnh, Trang Zalo BHXH tỉnh, Trang Fanpage BHXH tỉnh?

- Cổng thông tin điện tử BHXH tỉnh: <https://angiang.baohiemxahoi.gov.vn/>

- Trang Zalo BHXH tỉnh: <https://zalo.me/baohiemxahoiangiang>

- Trang Fanpage BHXH tỉnh: <https://www.facebook.com/angiang.bhxh.gov.vn>

- Theo dõi tất cả.

Câu 19. Theo bạn dự đoán có bao nhiêu lượt thí sinh tham dự Cuộc thi?

- A. Từ 500 lượt đến 1.000 lượt thí sinh tham dự Cuộc thi.
- B. Từ 1.000 lượt đến 2.000 lượt thí sinh tham dự Cuộc thi.
- C. Từ 2.000 lượt đến 3.000 lượt thí sinh tham dự Cuộc thi.
- D. Từ 3.000 lượt đến 4.000 lượt thí sinh tham dự Cuộc thi.

Câu 20. Bạn đã giới thiệu và chia sẻ Cuộc thi cho những ai (ít nhất 03 người - thông tin số điện thoại)?